

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HS - ST
Ngày 29/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Mạnh Hà và ông Lương Kim Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Mai Duy Định - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2021/TLST-HS, ngày 06 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị S, Sinh ngày 19/6/1979 tại Chợ Đồn, Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Tổ N, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tiến K và bà Lục Thị T (Đều đã chết); Chồng Mai Phúc Dg (Đã chết); Có 01 con S năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2020 đến ngày 31/12/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hoàng Văn H, Sinh năm 1976; HKTT: Thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. La Đình T, Sinh năm 1981; Trú tại: Tổ 17, phường, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

3. Trần Thị Đ, Sinh năm 1983; Trú tại: Thôn T, xã H, huyện Yh, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Hoàng Thị B, Sinh năm 1977; Trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

5. Đặng Anh T, Sinh năm 1998; Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

6. Đặng Văn T1, Sinh năm 1958; HKTT: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Tạm trú: Tổ N, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

7. Triệu Thị D, Sinh năm 1978; Trú tại: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 40 phút, ngày 24/12/2020, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại quán Karaoke - Nhà nghỉ 9999 thuộc tổ N, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn do Nguyễn Thị S, Sinh năm 1979, chỗ ở thị trấn Bằng Lũng, huyện C quản lý có biểu hiện hoạt động mại dâm. Phòng Cảnh sát hình sự đã phối hợp với chính quyền địa phương và Công an thị trấn Bằng Lũng kiểm tra. Kết quả hồi 20 giờ 50 phút cùng ngày phát hiện bắt quả tang tại phòng 102 có một đôi nam, nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm là La Đình T và Trần Thị Đ. Thu giữ 01 (một) chiếc bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ túi bao cao su đã xé màu đen, nhãn hiệu OKAMEN.

Tại phòng 103 có một đôi nam nữ đang nằm trên giường, nam mặc áo không mặc quần, nữ không mặc quần áo, người nữ đang dùng tay kích dục cho người nam gồm Hoàng Văn H và Hoàng Thị B. Thu giữ 01 hộp bao cao su nhãn hiệu OK màu đỏ, bên trong có 03 chiếc bao cao su chưa sử dụng.

Quá trình điều tra đối với Nguyễn Thị S xác định: Quán Karaoke – Nhà nghỉ 9999 thuộc tổ N, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn do ông Đặng Văn T1, Sinh năm 1958, nơi ĐKHKT: xã Vthành phố T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: tổ Nà Pài, thị trấn B, huyện C là chủ đầu tư xây Dựng từ năm 2000, do không có hộ khẩu thường trú tại huyện C nên ông T1 nhờ bà Triệu Thị D, sinh năm 1978, trú tại thôn B, xã P, huyện C đứng tên trong giấy phép đăng ký kinh doanh, ngoài việc kinh doanh quán Karaoke – Nhà nghỉ ông T1 còn nhận xây Dựng các công trình và thường xuyên đi làm xa. Tháng 3 năm 2020, ông T1 trao đổi, thỏa thuận miệng với Nguyễn Thị S (ông T1 thuê làm tại quán) về việc giao toàn bộ cơ sở vật chất và hoạt động kinh doanh của quán cho S quản lý, hàng tháng S phải trả cho ông T1 số tiền từ 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) đến 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) và được S đồng ý. Quá trình quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của quán, để tăng thêm thu nhập S đã thuê thêm nhân viên nữ gồm Trần Thị Đ và Hoàng Thị B phục vụ phòng hát và đồng ý cho Đ, B bán dâm khi khách có nhu cầu mua dâm tại các phòng nghỉ của quán. S thỏa thuận và thống nhất với

Đ, B khi phục vụ phòng hát thì mỗi giờ S thu của khách 120.000đ (*một trăm hai mươi nghìn đồng*)/01 nhân viên, trong đó nhân viên được hưởng 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*), S được hưởng 20.000đ (*hai mươi nghìn đồng*); khi bán dâm thì nhân viên tự thỏa thuận giá tiền với khách từ 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) đến 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) một lượt và từ 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*) đến 1.000.000đ (*một triệu đồng*) nếu qua đêm. Sau khi bán dâm thì pH trích lại cho S số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) trên một lần bán dâm, tiền phòng nghỉ là 70.000đ (*bảy mươi nghìn đồng*) theo tiếng đồng hồ và nếu nghỉ qua đêm là 130.000đ (*một trăm ba mươi nghìn đồng*), trường hợp khách không trả tiền thì nhân viên pH trả tiền phòng nghỉ cho S.

Nguyễn Thị S đã đồng ý cho Trần Thị Đ và Hoàng Thị B bán dâm tại quán 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/12/2020, La Đình T cùng Đặng Anh T, S năm 1998, trú tại thôn 4, xã Đ, huyện C đến quán Karaoke – Nhà nghỉ 9999 để hát karaoke thì gặp Nguyễn Thị S và Trần Thị Đ, khi T và T vào phòng hát thì Đ vào phục vụ rót bia, chọn bài; hát được một lúc thì T có việc đi về trước, lúc này T bảo Đ bán dâm cho T nhưng ban đầu Đ không đồng ý, T liền lấy ra số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) đưa cho và được Đ đồng ý, tiếp đó Đ, T ra khỏi phòng hát đi đến quây lễ tân gặp S để T thanh toán tiền hát, còn Đ lấy chìa khóa phòng nghỉ tại giường nơi S nằm ngủ, rồi đưa T đi xuống phòng 103 trong quán để bán dâm. Sau khi mua dâm xong thì T đi về, lúc này S đã đi ngủ nên đến trưa ngày hôm sau 21/12/2020 thì Đ mới gặp và đưa cho S tại bếp trong quán số tiền 170.000đ (*một trăm, bảy mươi nghìn đồng*), trong đó có 70.000đ (*bảy mươi nghìn đồng*) là tiền phòng nghỉ và 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) là tiền bán dâm cho T trong buổi tối ngày 20/12/2020.

Lần 2: Khoảng 20 giờ ngày 24/12/2020, La Đình T và Hoàng Văn H đến quán Karaoke – Nhà nghỉ 9999 để hát karaoke, khi đến quán thì có Nguyễn Thị S, Trần Thị Đ và Hoàng Thị B, khi T và H vào phòng hát thì S bảo Đ và B vào phòng phục vụ rót bia, chọn bài. Hát được khoảng 30 phút T bảo Đ, B bán dâm cho T và H và được hai người đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, T gặp và đưa cho S số tiền 1.100.000đ (*một triệu, một trăm nghìn đồng*) trong đó có 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) là tiền hát karaoke, còn 1.000.000đ (*một triệu đồng*) là tiền để mua dâm với B, Đ, mỗi người 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Sau đó Đ gặp S lấy chìa khóa phòng 102 rồi cùng T vào để mua bán dâm; H và B vào phòng 103 (đã cắm sẵn chìa khóa) để mua bán dâm, khi các đôi nam nữ đang thực hiện việc mua bán dâm thì cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Đối với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) La Đình T đã đưa cho Nguyễn Thị S trong ngày 24/12/2020 để thỏa thuận mua dâm với nhân viên của quán, thì Nguyễn Thị S sẽ được hưởng lợi số tiền 340.000đ (ba trăm, bốn mươi nghìn đồng) gồm tiền bán dâm của Đ và B trích lại cùng tiền 02 phòng nghỉ; Trần Thị Đ và Hoàng Thị B được hưởng lợi mỗi người số tiền 330.000đ (ba trăm, ba mươi nghìn đồng) từ việc bán dâm cho La Đình T và Hoàng Văn H.

Tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKS-P1 ngày 05/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nguyễn Thị S về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

c, Phạm tội 02 lần trở lên

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội "Chứa mại dâm", xử phạt bị cáo tù 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù, phạt bổ sung số tiền 10 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Về vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nhất trí với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và không ai có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Vì mục đích vụ lợi nên Nguyễn Thị S đã nhiều lần có hành vi bố trí, sắp xếp cho Trần Thị Đ và Hoàng Thị B bán dâm tại quán Karaoke – Nhà nghỉ 9999 thuộc tổ N, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nơi S được giao quản lý, điều hành. Cụ thể các lần như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 20/12/2020, S đồng ý cho Trần Thị Đ bán dâm cho La Đình T tại phòng 103 của quán. T đưa cho Đ số tiền mua dâm là 500.000 đồng, trong đó Nguyễn Thị S được hưởng lợi số tiền 170.000 đồng. Đ được hưởng lợi số tiền 330.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào khoảng 20 giờ, ngày 24/12/2020, S đồng ý cho Trần Thị Đ bán dâm cho La Đình T tại phòng 102, cho Hoàng Thị B bán dâm cho Hoàng Văn H tại phòng 103 của quán. S thu tiền mua dâm của T và H là 1.000.000 đồng. Khi các đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Với hành vi đã nêu của Nguyễn Thị S thì việc Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "*Chứa mại dâm*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh trong cộng đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ nhận thức, hiểu rõ việc cho người khác mua bán dâm tại quán hát nơi bị cáo được giao quản lý, điều hành nhằm mục đích thu lợi là vi phạm pháp luật, song bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới đảm bảo giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội; Được Cơ quan Công an huyện Chợ Đồn xác nhận đã có thành tích giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện vụ án "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" xảy ra tại thôn Nà Quân, xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ "*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*"; "*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*" theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Tiến Khoan được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và bản thân bị cáo được Công an xã B, huyện C nơi bị cáo có hộ khẩu thường trú xác nhận trong thời gian sinh sống tại địa phương bị cáo là công dân tốt luôn chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình

tiết tăng nặng đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử mức hình phạt dưới khung hình phạt đã truy tố đối với bị cáo cũng là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo cơ hội cho bị cáo nhanh chóng cải tạo trở thành người công dân tốt cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi, thu lòi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Các vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy gồm các bao cao su đã qua sử dụng và chưa sử dụng; 04 quyển sổ bì màu xanh.

Các vật chứng không liên quan đến việc phạm tội như tiền, điện thoại di động cần trả lại cho bị cáo, tuy nhiên xét thấy bị cáo còn phải thực hiện hình phạt bổ sung là phạt tiền nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Các vật chứng trực tiếp liên quan đến việc phạm tội cụ thể là số tiền mua bán dâm cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Đối với hành vi mua, bán dâm của La Đình T, Hoàng Văn H, Trần Thị Đ, Hoàng Thị B không cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn để xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

Đối với Đặng Anh T là người đi cùng La Đình T đến quán Karaoke 9999 hát karaoke vào tối ngày 20/12/2020, sau đó T đi về trước. Quá trình điều tra xác định T không biết và không tham gia việc mua dâm của T, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Đặng Anh T là có căn cứ.

Đối với ông Đặng Văn T1 là người đầu tư xây dựng cơ sở kinh doanh quán Karaoke – Nhà nghỉ 9999. Tháng 3/2020 ông T1 thỏa thuận và giao cho Nguyễn Thị S quản lý, điều hành mọi hoạt động của quán. Quá trình điều tra xác định ông T1 không biết, không trao đổi, bàn bạc với Nguyễn Thị S về việc chứa mại dâm, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông Đặng Văn T1 là đúng quy định.

Đối với bà Triệu Thị D là người đứng tên trong giấy phép đăng ký kinh doanh quán Karaoke – Nhà nghỉ 9999. Qua điều tra xác định: bà D được ông Đặng Văn T1 nhờ đứng tên làm thủ tục đăng ký kinh doanh, không tham gia vào hoạt động kinh doanh của quán và không biết, không trao đổi, bàn bạc về việc Nguyễn Thị S chứa mại dâm, do đó Cơ quan điều tra không đề nghị xem xét xử lý đối với bà Triệu Thị D là có căn cứ.

Đối với cơ sở kinh doanh Karaoke - Nhà nghỉ 9999, thuộc tổ Nà Pài, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Qua điều tra xác định ngày 07/5/2020, phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 13D8000974 cho bà Triệu Thị D, nội

dung đăng ký kinh doanh: Bán nước giải khát, cà phê, karaoke, phòng trọ; ngày 29/6/2020, Công an huyện Chợ Đồn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 09/GCN cho cơ sở kinh doanh Karaoke - Nhà nghỉ 9999; ngày 09/7/2020, phòng Văn hóa và Thông tin huyện Chợ Đồn đã cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke số 08/GP-VHTT cho cơ sở kinh doanh Karaoke - Nhà nghỉ 9999. Tuy nhiên, sau khi được cấp giấy phép hoạt động thì cơ sở kinh doanh Karaoke - Nhà nghỉ 9999 không T1 thủ đúng quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh, không có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản giao cho người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, không có hợp đồng lao động với nhân viên, không làm thủ tục đăng ký tạm trú cho nhân viên, để xảy ra hoạt động vi phạm pháp luật tại cơ sở kinh doanh. Đối với Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke số 08/GP-VHTT ngày 09/7/2020 của phòng Văn hóa và Thông tin huyện Chợ Đồn cấp cho cơ sở kinh doanh Karaoke - Nhà nghỉ 9999 được phép hoạt động kinh doanh 01 phòng hát karaoke (phòng 1), nhưng thực tế tại quán Karaoke - Nhà nghỉ 9999 kinh doanh 02 phòng hát karaoke (ký hiệu phòng 1 và phòng 2) và trong các buổi tối ngày 20/12/2020 và 24/12/2020 Nguyễn Thị S đều bố trí cho La Đình T cùng nhân viên của quán hát tại phòng số 2. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã có văn bản kiến nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Chợ Đồn; Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Chợ Đồn; Công an huyện Chợ Đồn và Ủy ban nhân dân thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xem xét, chấn chỉnh và xử lý đối với sai phạm của cơ sở kinh doanh Karaoke – Nhà nghỉ 9999 theo quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ số ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2020 đến ngày 31/12/2020.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự, phạt tiền bị cáo 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy gồm:

- + 23 (hai mươi ba) hộp bao cao su OKMEN chưa qua sử dụng màu đen.
- + 04 (bốn) hộp bao cao su OKMEN màu đỏ chưa qua sử dụng.
- + 01 (một) túi bóng màu đỏ bên trong có 08 (tám) bao cao su nhãn hiệu OKMEN chưa qua sử dụng.
- + 01 (một) chiếc bao cao su đã qua sử dụng và 01 túi nilon màu đen nhãn hiệu OKAMEN đã xé. Niêm phong trong túi ký hiệu “P102”.
- + 01 (một) chiếc bao cao su đã qua sử dụng và 01 túi nilon màu đen nhãn hiệu OKAMEN đã xé. Niêm phong trong túi ký hiệu “P103”.
- + 01 (một) hộp bao cao su nhãn hiệu OK màu đỏ, bên trong có 03 chiếc bao cao su còn nguyên trong túi, chưa sử dụng. Niêm phong trong phong bì ký hiệu “P103”.
- + 04 (bốn) quyển sổ bìa màu xanh kẻ sọc mặt trước có chữ Newway NOTEBOOK, bên trong có ghi nhiều chữ số và chữ viết.
- Đối với số tiền 500.000 đồng do Trần Thị Đ giao nộp:
 - + Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 330.000 đồng là tiền Trần Thị Đ được hưởng lợi từ việc bán dâm ngày 20/12/2020.
 - + Trả lại cho Trần Thị Đ số tiền 170.000 đồng.
- Đối với số tiền 2.100.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị S:
 - + Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng là tiền S thu tiền mua dâm của La Đình T ngày 24/12/2020 và 170.000 đồng tiền được hưởng lợi ngày 20/12/2020. Tổng là 1.170.000 đồng.
 - + Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo số tiền 930.000 đồng.
- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng vỏ màu xanh nhãn hiệu Realme cũ, đã qua sử dụng.
- Trả lại cho ông Đặng Văn T1: 02 (hai) chiếc chìa khóa gắn móc ghi số phòng 102 và 103. Niêm phong trong túi ký hiệu “CK”.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng Hình sự - Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Quang Huy